

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HS-ST

Ngày: 13-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Dương Duy Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn Đ, sinh năm 1996; tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Phan Văn T (Chết) và bà Trần Thị M, sinh năm 1950 (Sống); Anh, chị, em: Có 04 người, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con; Chưa có. Nhân thân: Ngày 22/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 23/2014/HSST, chấp hành xong bản án ngày 15/8/2014.

Tiền án:

- Ngày 25/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số: 09/2018/HSST, chấp hành xong bản án ngày 13/3/2021.

- Ngày 30/5/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 25/2022/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/10/2023.

Tiền sự: Không.

Tạm giữ: Không; Tạm giam ngày 07/3/2025. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện L, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Nguyên T1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 2006 (vắng mặt tuyên án);

Địa chỉ: số B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Lê Thảo V, sinh năm 2006 (vắng mặt);

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Trịnh Văn H1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: số B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hồ Văn H2, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: số E, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Đông T2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: số C, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: số F, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 04/8/2024, Phan Văn Đ đến quán K ở ấp B, xã B, huyện L tìm bạn. Khi Đ vào bên trong quán thấy anh Nguyễn Văn H và chị Trần Lê Thảo V đang nằm ngủ trên giường cặp hành lang, phía trên đầu giường có để điện thoại di động và 01 ví da nên Được lén lút đi đến lần lượt lấy: 01 điện thoại di động hiệu Redmi C35 màu đen của anh H và 01 ví da bên trong có số tiền 1.430.000 đồng; 01 căn cước công dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Lê Thảo V và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus màu vàng Gold của chị V rồi nhanh chóng tẩu thoát về hướng thành phố L, tỉnh An Giang. Khi đến đoạn cầu V, Đ mở ví da ra lấy số tiền 1.430.000 đồng, còn ví và giấy tờ tùy thân của chị V thì Được ném xuống sông. Khi đến thành phố L, tỉnh An Giang, Được bán điện thoại Iphone 8 plus cho một người nữ (không rõ tên và địa chỉ) được số tiền 350.000 đồng, bán điện thoại hiệu Redmi C35 cho một người nam (không rõ tên và địa chỉ) được số tiền 350.000 đồng, số tiền bán điện thoại và 1.430.000 đồng lấy được Được tiêu xài cá nhân hết.

Tiếp đến khoảng 17 giờ ngày 11/9/2024, Phan Văn Đ cùng bạn tên Trần Đông T2 đến nhà anh Nguyễn Nguyên T1 ở ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để uống rượu. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày thì nghỉ, anh T2 ra về. Lúc này, Đ thấy anh T1 đi vào bên trong nhà để dọn dẹp, xe gắn máy biển số 65-012NX của anh T1 đang dựng bên hông nhà, Đ đến xem thấy xe không khóa nên Được lén lút dẫn xe ra ngoài đi một đoạn khoảng 30 mét thì Đ khởi động xe nổ máy điều khiển chạy về khu vực V. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Đ đến nhà ông Trịnh Văn H1 hành nghề mua bán phế liệu ở ấp B, xã B, huyện L bán xe vừa lấy được với giá 700.000 đồng, Đ lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 08 giờ ngày 26/9/2024, ông Trịnh Văn H1 bán xe gắn máy biển số 65-012NX cho anh Hồ Văn H2 với giá 1.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày anh H2 điều khiển xe gắn máy này đến phía trước cửa hàng B ở ngã 5 V thuộc xã B, huyện L thì bị anh Nguyễn Nguyên T1 phát hiện và báo cho Công an xã B, huyện L thu giữ xe và mời anh H2 về cơ quan làm việc. Sau khi làm việc thì anh H2 biết được xe gắn máy trên mua của ông H1 liên quan hành vi chiếm đoạt tài sản nên tự nguyện giao nộp xe cho Công an xã B. Ông H1 đã trả lại anh H2 số tiền 1.000.000 đồng và không yêu cầu Được bồi thường.

Công an xã B đã thu giữ của:

- Ông Hồ Văn H2 01 xe gắn máy biển số 65.012NX màu xanh, số khung C50.6149671, số máy C50-6149595.

- Chị Dương Thị Bích T4 chủ quán K giao nộp 01 đoạn video thời lượng 49 giây lưu trữ vào đĩa DVD ghi lại diễn biến Được thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản xảy ra ngày 04/8/2024 tại quán K thuộc ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được.

Tại các kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2024 và số 08/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận:

- 01 (Một) xe gắn máy biển số 65-012NX, nhãn hiệu Honda cup 50 số máy C50E-61495995, số khung C50-6149671 trị giá 630.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Redmi C35 đã qua sử dụng trị giá 1.433.000 đồng.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng trị giá 2.300.000 đồng.

Tại biên bản kiểm tra hình ảnh người trong video ngày 20/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thể hiện: Phan Văn Đ xác nhận người nam thanh niên đội nón kết, đeo khẩu trang màu trắng, mặc áo sơ mi dài tay và quần Jean dài đang thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản chính là Phan Văn Đ.

Kết quả tra cứu xác minh trên hệ thống đăng ký, quản lý xe, Công an huyện L không tìm thấy dữ liệu đăng ký đối với xe gắn máy biển số 65-012NX nhãn hiệu Honda Cup 50, số máy C50E6149595, số khung C506149671.

Kết quả tra cứu xe máy vật chứng đối với xe gắn máy biển kiểm soát 65-012NX, số máy C50E-6149595, số khung C50-6149671: Không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Đối với Trịnh Văn H1 và Hồ Văn H2 có hành vi mua xe gắn máy nhưng không biết tài sản do Phan Văn Đ phạm mà có nên không xử lý.

Hiện anh Nguyễn Nguyên T1 yêu cầu nhận lại xe gắn máy, nếu xe bị tịch thu thì cũng thống nhất và không yêu cầu Phan Văn Đ bồi thường.

Chị Trần Lê Thảo V yêu cầu Phan Văn Đ bồi thường giá trị của điện thoại theo kết luận định giá là 2.300.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H yêu cầu Phan Văn Đ bồi thường giá trị của điện thoại theo kết luận định giá là 1.433.000 đồng và số tiền 1.430.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSLVo ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Phan Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn Đ mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc bị cáo Phan Văn Đ bồi thường cho chị Trần Lê Thảo V số tiền 2.300.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chuyển xe gắn máy biển số 65-012NX nhãn hiệu Honda Cup 50, số máy C50E6149595, số khung C506149671 cho Phòng C Công an tỉnh Đ để xử lý theo quy định (xe hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện L đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2025).

- Tiếp tục bảo quản lưu vào hồ sơ vụ án đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video thu giữ tại quán K.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với bị hại Nguyễn Nguyễn T1, Trần Lê Thảo V, người làm chứng Trịnh Văn H1, Trần Đông T2, Hồ Văn H2 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy trong quá trình điều tra họ đã có lời khai rõ ràng nên sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đều khẳng định hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số: 41/CT-VKSLVo ngày 14/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thừa nhận vào các ngày 04/8/2024 và 11/9/2024 tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu tài sản bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Redmi C35 đã qua sử dụng trị giá 1.433.000 đồng và 01 ví da trong có số tiền 1.430.000 đồng của anh H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng trị giá 2.300.000 đồng của chị V; 01 xe gắn máy của anh T1 trị giá 630.000 đồng để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo định giá là 5.793.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện L, biên bản dựng lại hiện trường, vật chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo là có tội, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

...

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Phan Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản theo định giá là 5.793.000 đồng. Bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với Trịnh Văn H1 và Hồ Văn H2 có hành vi mua xe gắn máy nhưng không biết tài sản do Phan Văn Đ phạm mà có nên không xử lý.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phan Văn Đ bồi thường cho chị Trần Lê Thảo V số tiền 2.300.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chuyển xe gắn máy biển số 65-012NX nhãn hiệu Honda Cup 50, số máy C50E6149595, số khung C506149671 cho Phòng C Công an tỉnh Đ để xử lý theo quy định (xe hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện L đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2025).

- Tiếp tục bảo quản lưu vào hồ sơ vụ án đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video thu giữ tại quán K.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phan Văn Đ bồi thường cho chị Trần Lê Thảo V số tiền 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chuyển xe gắn máy biển số 65-012NX nhãn hiệu Honda Cup 50, số máy C50E6149595, số khung C506149671 cho Phòng C Công an tỉnh Đ để xử lý theo quy định (xe hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện L đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2025).

- Lưu vào hồ sơ vụ án đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video thu giữ tại quán K.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CAT Đồng Tháp;
- Cơ quan THAHS CAT Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã B (biết);
- Lưu HSVA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Nhựt Minh